

Bản án số: 222/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 01/4/2025

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Nguyễn Minh Nam

2. Ông Đỗ Xuân Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Mai Như Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Nam Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử công khai vụ án thụ lý số 1334/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Phương A (*Đề nghị xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: 258/2 P, Phường 1, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Kim H (*Đề nghị xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: 258/2 P, Phường 1, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Phương A trình bày:

Bà Nguyễn Phương A và ông Nguyễn Kim H có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 125/99, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/10/1999. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà Phương A không được tôn

trọng, không được chia sẻ và lắng nghe, ông H không hề quan tâm đến cảm xúc, tinh thần và sức khỏe của bà Phương A nên bà Phương A bị tổn thương rất nhiều. Các khoản tài chính ông H không minh bạch, rõ ràng nên thường xuyên dẫn đến xung đột. Ông H hay lớn tiếng và gia trưởng, áp đặt vợ phải làm theo ý mình. Bà Phương A đã cố gắng nói chuyện với chồng để thấu hiểu nhau nhưng ông H không lắng nghe. Mặc dù sống với nhau gần 25 năm nhưng bà Phương A vẫn cô đơn, buồn tủi. Hiện tại ông H và bà Phương A đã sống ly thân gần một năm. Do đó bà Nguyễn Phương A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Phương A được ly hôn với ông Nguyễn Kim H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Phương Quỳnh A1, sinh ngày 30/7/2001 và Nguyễn Phương Bảo N, sinh ngày 02/01/2006 (đều đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Kim H trình bày:

Ông Nguyễn Kim H và bà Nguyễn Phương A đã tìm hiểu và kết hôn tại Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1999. Trong cuộc sống, ngoài những chuyện bất đồng nhỏ, cãi nhau bình thường thì vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng. Thời gian sau đại dịch, ông H bị ảnh hưởng trong công việc nên dẫn đến căng thẳng trong suy nghĩ, khó thích nghi với điều kiện sống. Nay bà Nguyễn Phương A yêu cầu ly hôn thì ông Nguyễn Kim H không đồng ý.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Phương A và bị đơn ông Nguyễn Kim H vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:*

Bà Nguyễn Phương A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Kim H, tại thời điểm Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại quận Phú Nhuận. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 125/99, quyền số 01 ngày 11/10/1999 của Ủy ban nhân dân phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện hôn nhân giữa bà Nguyễn Phương A và ông Nguyễn Kim H là hợp pháp.

Theo bà Nguyễn Phương A trình bày, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà Phương A không được tôn trọng, không được chia sẻ và lắng nghe, ông H không hề quan tâm đến cảm xúc, tinh thần và sức khỏe của bà Phương A. Các khoản tài chính ông H không minh bạch, rõ ràng nên thường xuyên dẫn đến xung đột. Ông Nguyễn Kim H cho rằng ngoài những chuyện bất đồng nhỏ, cãi nhau bình thường thì vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng nên ông H không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng phải quan tâm chăm sóc, chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau, nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa ông H và bà Phương A không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ dẫn đến nhiều mâu thuẫn phát sinh không thể khắc phục. Đồng thời, ông Nguyễn Kim H và bà Nguyễn Phương A đã sống ly thân gần một năm, mâu thuẫn của hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phương A yêu cầu ly hôn ông H để ổn định cuộc sống là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Phương Quỳnh A1, sinh ngày 30/7/2001 và Nguyễn Phương Bảo N, sinh ngày 02/01/2006. Các con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Phương A và ông Nguyễn Kim H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Phương A tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Phương A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Phương A.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Phương A ly hôn với ông Nguyễn Kim H.

1.2. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Phương Quỳnh A1, sinh ngày 30/7/2001 và Nguyễn Phương Bảo N, sinh ngày 02/01/2006. Các con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Phương A và ông Nguyễn Kim H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Phương A tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Phương A phải chịu án phí ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0055097 ngày 29/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phương A đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Phú Nhuận;
- CCTHADS Q.Phú Nhuận;
- UBND P.Bến Nghé, Quận 1;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Út